

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/11/2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường); Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ; Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 875/TTr-STNMT ngày 12/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La (*địa chỉ: Khu công nghiệp Mai Sơn, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La*) xả nước thải vào nguồn nước với những nội dung sau:

**1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải:** Suối Nậm Pàn, đoạn chảy qua xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, cách Nhà máy khoảng 500 m.

**2. Vị trí xả nước thải:** Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^0$ , múi chiều  $3^0$ :  
 $X = 2351871$ ;  $Y = 505179$ .



**3. Phương thức xả thải:** Bơm.

**4. Chế độ xả nước thải:**

- Trong mùa vụ sản xuất (từ tháng 10 năm trước đến hết tháng 4 năm sau):  
Xả nước thải sinh hoạt và sản xuất với thời gian 08 h/ngày.

- Ngoài mùa vụ sản xuất: Xả nước thải sinh hoạt.

**5. Lưu lượng xả nước thải:**

- Lưu lượng xả thải trung bình:  $827 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , tương đương  $103,4 \text{ m}^3/\text{h}$ ;

- Lưu lượng xả thải lớn nhất:  $960 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , tương đương  $120 \text{ m}^3/\text{h}$ .

**6. Chất lượng nước thải:** Giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải chế biến tinh bột sắn QCVN 63:2017/BTNMT, cột A (hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1$  với các thông số TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng nitơ, tổng xianua, tổng Photpho), cụ thể như bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 63:2017/BTNMT cột A)
1	pH	-	6 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45
3	BOD <sub>5</sub> (200C)	mg/l	27
4	COD	mg/l	90
5	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	45
6	Tổng xianua (tính CN-)	mg/l	0,063
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	9
8	Tổng coliforms	MPN/100ml	3000

**7. Thời hạn của giấy phép:** 05 năm (năm năm) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc nước thải trước, sau khi xử lý và nước nguồn tiếp nhận

2.1. Nội dung quan trắc bao gồm: Vị trí, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận; tần suất quan trắc. Cụ thể:

- Nước thải trước khi xử lý:



- + Vị trí: 01 điểm tại bể thu gom nước thải.
- + Tần suất quan trắc: 04 lần/01 vụ sản xuất theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông số quan trắc theo QCVN 63:2017/BTNMT.
- Nước thải sau khi xử lý:
  - + Lưu lượng: Lắp đặt thiết bị riêng để kiểm soát lưu lượng nước thải sau khi xử lý trên đường ống bơm xả ra suối Nậm Pàn; trên đường ống bơm nước tái sử dụng.
  - + Vị trí quan trắc: Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.
  - + Tần suất quan trắc: 04 lần/01 vụ sản xuất theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông số quan trắc theo QCVN 63:2017/BTNMT.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: 01 điểm tại suối Nậm Pàn sau vị trí tiếp nhận nước thải của Công ty; tần suất 02 tháng/lần, quan trắc 18 thông số (*pH, COD, BOD<sub>5</sub>, DO, TSS, florua, amoni, nitrit, nitrat, phosphat, xyanua, cadimi, chì, cromVI, sắt, thủy ngân, coliform, E.coli*), kết quả so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A<sub>2</sub>.
- Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận (*thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm*).

2.2. Lắp đặt thiết bị và thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 39, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (*cơ sở sản xuất thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Nhóm III*).

3. Thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt qui định tại khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu qui định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên môi trường về các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường nguồn nước do hoạt động xả thải gây ra.

6. Hằng năm (*trước ngày 30 tháng 01*), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) về tình hình sử dụng nước, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.



**Điều 3.** Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 38 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La còn tiếp tục xả nước thải theo các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./x✓

**Nơi nhận:**

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các sở: TN&MT, KH&CN, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lô Minh Hùng**